

26. Chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022

Triệu đồng

	Số liệu kỳ báo cáo	Số liệu cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Cơ cấu kỳ báo cáo (%)	Cơ cấu cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	8.179.000	7.157.013	114,28	100,00	100,00
I. Chi đầu tư phát triển	4.170.000	3.752.215	111,13	50,98	52,43
II. Chi trả nợ lãi	-	-	-	-	-
III. Chi thường xuyên	3.914.000	2.950.624	132,65	47,85	41,23
Chi sự nghiệp kinh tế	940.000	429.444	218,89	11,49	6,00
Chi sự nghiệp môi trường	44.000	28.088	156,65	0,54	0,39
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.561.000	1.168.150	133,63	19,09	16,32
Chi sự nghiệp y tế	282.000	303.411	92,94	3,45	4,24
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.000	16.272	110,62	0,22	0,23
Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao	79.000	56.944	138,73	0,97	0,80
Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	64.000	31.622	202,39	0,78	0,44
Chi đảm bảo xã hội	142.000	114.933	123,55	1,74	1,61
Chi quản lý hành chính	614.000	575.964	106,60	7,51	8,05
Chi an ninh quốc phòng địa phương	155.000	193.549	80,08	1,90	2,70
Chi khác ngân sách	15.000	32.247	45,52	0,18	0,45
IV. Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
V. Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	177.608	-	-	2,48
VI. Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh so với dự toán đầu năm	-	57.591	-	-	0,80
VII. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	-	-	-	-	-
VIII. Dự phòng	90.000	215.000	41,86	1,10	3,00
IX. Các khoản chi được quản lý qua NSNN	5.000	3.975	125,79	0,06	0,06